

Số: 830 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 18 tháng 10 năm 2018

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày  
(Từ ngày 11/10 – 17/10/2018)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,8 – 27,4°C; Cao nhất: 34,6°C; Thấp nhất: 22,0°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 79 – 86%; Thấp nhất: 47%.
- Tổng số giờ nắng: 53 – 72 giờ. Lượng mưa: 43 - 134 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, nửa đầu tuần đêm có mưa rải rác, ngày mưa nhiều nơi, rải rác có mưa vừa, có nơi mưa to.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

**Cây lúa:** Xống giống 21.808 ha/25.233 ha. Lúa đang ở các giai đoạn: mạ (3.682 ha), đẻ nhánh (11.919 ha), đòng (6.207 ha).

Các giống chủ yếu là: OM 7347, OM 4900, VD 20, MTL 110, Đài thơm 8, ...

#### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Phát triển thân lá, loa kèn	15.385/17.709
Rau các loại	Các giai đoạn	4.705
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Các giai đoạn	10.415
Xoài	Ra lộc, bông	11.833
Chuối	Các giai đoạn	5.762
Sầu riêng	Ra lộc	3.797
Tiêu	Nuôi trái	17.087
Điều	Ra lộc	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172
Khoai mì	Phát triển củ	10.826

## **II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA**

**1. Trên cây lúa:** Các SVH chủ yếu là ốc bươu vàng (OBV) DTN 637 ha giảm 138 ha, bệnh đạo ôn lá DTN 347 ha tăng 136 ha do điều kiện thời tiết âm u, giờ nắng trong ngày ít, có mưa rải rác tạo điều kiện cho bệnh phát triển.

### **2. Cây trồng khác**

- Cây bắp, rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Giai đoạn ra lộc lá non, sâu vẽ bùa DTN 314 ha tăng 30 ha, nhện nhỏ 106 ha giảm 15 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 418 ha tăng 7 ha, bệnh nấm hồng DTN 209 ha giảm 30 ha, bệnh cháy lá chết đọt DTN 350 tăng 16 ha.

+ Xoài: Bệnh thán thư DTN 308 ha giảm 52 ha, sâu đục cành DTN 144 ha giảm 11 ha do nông dân phòng trừ hiệu quả.

- Cây công nghiệp:

+ Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 1032 ha tăng 45 ha, bệnh chết chậm DTN 950 ha giảm 4 ha.

+ Cây điều: Sâu đục thân, cành DTN 420 ha, bệnh thán thư DTN 314 ha tăng 26 ha, bệnh nấm hồng DTN 117 ha tăng 2 ha.

+ Cây mì:

Bọ phấn DTN 412 ha không thay đổi so với kì trước; bệnh khảm lá virus DTN 318,9 ha giảm 2,6 ha do nông dân tiêu hủy diện tích nhiễm bệnh; bệnh vi khuẩn DTN 359 ha tăng 10 ha; đốm nâu 200 ha tăng 70 ha.

## **III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI**

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc bươu vàng, Rầy nâu, VL – LXL, bệnh bạc lá (cháy bìa), đạo ôn.

- Cây rau: Sâu tơ, bệnh đốm vàng, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh cháy gôm, sâu vẽ bùa (cây có múi); bệnh thán thư, sâu đục thân, cành (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh xì mù, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá, thán thư, đốm nâu (mì).

## **IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Tăng cường theo dõi diễn biến rầy nâu và kiểm tra tỉ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá.

- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 3646/SNN-TTBVTV, ngày 01/10/2018 về việc triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ sâu bệnh hại trên cây trồng.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo. /.

**Nơi nhận:**

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.

**CHI CỤC TRƯỞNG**



**Trần Lâm Sinh**



## DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH (Từ ngày 11/10 đến ngày 17/10/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Ra lộc-lá non	3 - 10		314	0	0	314	0	30.0	66.0	244	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, Vĩnh Cửu, TX Long Khánh, Trảng Bom, Long Thành
	Nhện nhỏ	Ra lộc-lá non	5 - 10		106	0	0	106	0	-15.0	72.0	219	Vĩnh Cửu, Định Quán, Tân Phú
	Bệnh sọc	Ra lộc-lá non	5 - 8		51,5	0,5	0	52	0	0.0	23.0	23	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Sau thu hoạch	10 - 15		94	0	0	94	0	24.0	30.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10		84	0	0	84	0	5.0	-119.0	12	Trảng Bom, Thống Nhất
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi trái	5		20	0	0	20	0	0.0	20.0	0	TX Long Khánh
	Ruồi đục quả	Nuôi trái	2 - 3		20	0	0	20	0	5.0	20.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Chăm sóc	7		40	0	0	40	0	0.0	5.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	3 - 10		418	0	0	418	0	7.0	105.0	126	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		350	0	0	350	0	16.0	153.0	112	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, TX Long Khánh, Long Thành, Tân Phú
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 15		209	0	0	209	0	-30.0	53.0	68	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh
	Rầy bông	Các giai đoạn	10		121	0	0	121	0	-51.0	-40.0	106	Tân Phú, TX Long Khánh, Long Thành
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	2 - 10	15	86	4	4	94	0	64.0	-68.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
	Ốc sên	Các giai đoạn	2 - 3		90	0	0	90	0	0.0	90.0	30	Xuân Lộc

Xoài	Bệnh thán thư	Ra bông	6 - 7		308	0	0	308	0	-52.0	-65.0	150	Định Quán, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu
	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		144	0	0	144	0	-11.0	128.0	0	Định Quán
	Sâu đục thân	Ra bông	10		100	0	0	100	0	0.0	100.0	20	Xuân Lộc
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	8 - 20		686	6	0	692	0	40.0	-109.0	39	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		440	2	0	442	0	2.0	185.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	5 - 13		401	3	0	404	0	-42.0	59.0	0	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán, Trảng Bom, TX Long Khánh
	Rệp sáp	Nuôi trái	13 - 15		251	0	0	251	0	4.0	-46.0	35	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Tân Phú, Trảng Bom, Định Quán
	Bệnh nám hồng	Nuôi trái	15		151	0	0	151	0	14.0	57.0	29	Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú
	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		462	0	0	462	0	1.0	209.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
Cao su	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	5 - 20		291	0	0	291	0	-58.0	-80.0	130	Tân Phú, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	7 - 8		417	3	0	420	0	0.0	129.0	13	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
Điều	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10		314	0	0	314	0	26.0	82.0	6	Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	16		117	0	0	117	0	2.0	-230.0	0	Cẩm Mỹ
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 15		1032	0	0	1032	0	45.0	186.0	180	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Định Quán
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 8	15	850	0	100	950	0	-4.0	239.0	409	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 13	15	922	2	9	933	0	-42.0	441.0	319	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, TX Long Khánh, Tân Phú
	Bệnh tuyến	Các giai đoạn	5 - 8	20	258	28	4	290	0	-3.0	-221.0	103	Trảng Bom, TX Long Khánh,

	trùng												Thông Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 5	4 - 15	133	4	3	140	0	11.0	-222.0	53	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Thông Nhất, Tân Phú, Xuân Lộc
Sắn (Mi)	Bọ phấn	Nuôi củ	5		412	0	0	412	0	0.0	412.0	0	Long Thành, Xuân Lộc
	Bệnh vi khuẩn	Nuôi củ	5 - 10		359	0	0	359	0	10.0	-14.0	140	Xuân Lộc, Long Thành, Trảng Bom
	Khảm lá virus	Nuôi củ	3 - 50	80 - 100	43,4	100,8	174,7	318,9	0	-2.6	318.9	0	Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom
	Đốm nâu	Nuôi củ	5		200	0	0	200	0	70.0	20.0	0	Long Thành
	Bệnh thán thư	Nuôi củ	10		110	0	0	110	0	-60.0	110.0	0	Nhon Trạch
Ngô (Bắp)	Sâu xám	Cây con	4 - 10		28	0	0	28	0	1.0	-23.0	7	Cầm Mỹ, Thông Nhất, Trảng Bom
	Đốm lá nhỏ	Loa kèn	8 - 15		26	0	0	26	0	21.0	-14.0	6	Long Thành, Thông Nhất
Lúa	Ốc bươu vàng	Mạ-dẻ nhánh	1 - 3	15 - 20	607	0	30	637	0	-138.0	68.0	363	Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Thông Nhất
	Bệnh đạo ôn lá	Đẻ nhánh-đồng-trở	5 - 15		345	2	0	347	0	136.0	-275.0	214	Tân Phú, Long Thành, Định Quán, Nhon Trạch, Xuân Lộc, Trảng Bom, Thông Nhất, Cầm Mỹ, TX Long Khánh
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh-đồng-trở	5 - 10		158	0	0	158	0	78.0	-434.0	63	Tân Phú, Xuân Lộc, Long Thành
	Chuồn	Đẻ nhánh-đồng-trở	4 - 5		92	0	0	92	0	11.0	20.0	86	Nhon Trạch, Long Thành, Tân Phú, Thông Nhất, Vĩnh Cửu
	Bọ trĩ (bù lạch)	Đẻ nhánh-đồng-trở	7 - 10		81	0	0	81	0	4.0	65.0	0	Định Quán, Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Rầy nâu	Mạ-dẻ nhánh-đồng-trở	10 - 300		29	0	0	29	0	5.0	4.0	112	Thông Nhất, Vĩnh Cửu, Trảng Bom
Bầu bí	Bọ trĩ	Các giai đoạn	20		13	0	0	13	0	3.0	4.0	13	Thông Nhất, Nhon Trạch
	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5		12	0	0	12	0	8.0	12.0	12	Thông Nhất
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	13	1	0	14	0	1.0	14.0	2	Trảng Bom, Nhon Trạch

	Bộ trĩ	Các giai đoạn	15 - 20	35	8	0	0	8	0	4.0	1.0	6	Long Thành, Nhơn Trạch
Mướp đắng (khô qua)	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	15	9	1	0	10	0	3.0	2.0	6	Long Thành, Nhơn Trạch
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	15	25	5	0	0	5	0	-5.0	0.0	5	Nhơn Trạch
Rau cải ăn lá	Bộ nhậy	Các giai đoạn	3 - 10	5	28	0	0	28	0	3.0	-1.0	24	Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Trảng Bom
	Rệp muội	Các giai đoạn	20		13	0	0	13	0	13.0	12.0	13	Thống Nhất